

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1077~~ /STC-QLNS

Tuyên Quang, ngày 09 tháng 6 năm 2021

V/v đăng tải và xin
ý kiến vào dự thảo Nghị quyết quy
định định mức chi thường xuyên
giai đoạn 2022-2025

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các đơn vị dự toán cấp tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1588/UBND-NC ngày 26/5/2021 về việc xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh khóa XIX do UBND tỉnh trình năm 2021, để Sở Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị:

1. Các cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến vào dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Sở Tài chính trước ngày 09/7/2021 để hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông: Đăng tải Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, mục góp ý dự thảo văn bản để lấy ý kiến nhân dân trong 30 ngày; tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang gửi Sở Tài chính để hoàn thiện trình UBND tỉnh.

(Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết được đăng tải trên Website của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://sotaichinh.tuyenquang.gov.vn> và được gửi qua hộp thư điện tử hoặc hệ thống quản lý văn bản điều hành của các cơ quan, đơn vị).

Sở Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan phối hợp thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang Website Sở Tài chính;
- Văn phòng Sở Tài chính;
- Lưu: VT; QLNS (B).



Hà Trung Kiên

Số: /TTr-STC

Tuyên Quang, ngày tháng 6 năm 2021



TỜ TRÌNH

**Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh
về việc ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách
giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1588/UBND-NC ngày 26/5/2021 về việc xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh khóa XIX do UBND tỉnh trình năm 2021, Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh một số nội dung cụ thể như sau:

I. TÊN GỌI CỦA NGHỊ QUYẾT:

Nghị quyết ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13¹, Sở Tài chính đã xây dựng quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 làm căn cứ xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách cho các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố giai đoạn 2022-2025 nhằm tăng cường hiệu quả quản lý, nâng cao tính minh bạch trong phân bổ, sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên NSNN là có căn cứ pháp lý.

Trong quá trình thực hiện, các căn cứ, tiêu chí tính định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2017 và áp dụng trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, kéo dài trong năm 2021 đã bộc lộ một số điểm không còn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn 2022 - 2025.

Từ quy định nêu trên cần thiết phải xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa

¹ Điều e khoản 9 Điều 30 (nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp): Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương; khoản 9 Điều 31 (nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp): Lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 30 của Luật này;

phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích: Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và làm cơ sở xây dựng dự toán NSNN hằng năm.

2. Quan điểm:

Phù hợp với quy định của pháp luật, đúng phân cấp, trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Tập trung khắc phục những vướng mắc và kế thừa những mặt tích cực của nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2017, đảm bảo khả thi trong tổ chức thực hiện.

III. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN

Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 6 năm 2020;

Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Sở Tài chính đã thành lập tổ soạn thảo dự thảo Nghị quyết và xây dựng Kế hoạch soạn thảo dự thảo Nghị quyết.

Sở Tài chính đã có Công văn số .../STC-QLNS ngày .../6/2021 gửi các cơ quan có liên quan và Sở Thông tin và Truyền thông về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang để lấy ý kiến nhân dân. Kết quả đã có cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến đã có ý kiến tham gia. Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày .../7/2021.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Gồm 2 phần: dự thảo Nghị quyết và dự thảo Quy định.

2. Dự thảo quy định gồm 3 chương 24 điều.

Chương I: Quy định chung

Chương II: Định mức phân bổ chi thường xuyên cho các đơn vị dự toán ngân sách

Chương III: Định mức phân bổ và hỗ trợ cho các huyện, thành phố

V. NHỮNG ĐIỀU CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: Không

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định quy định mức chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(Xin trình kèm: Báo cáo Tình hình thực hiện Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020; Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; Tổng hợp, giải trình ý kiến tham gia của các đơn vị; Tổng hợp, giải trình Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp)/.

Nơi nhận:

- Như trên (để trình);
- Sở Tư pháp;
- Lưu VT, QLNS (B).

GIÁM ĐỐC

Hà Trung Kiên

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND
ngày 06/12/2016 của HĐND tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi
thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và áp dụng cho thời kỳ ổn
định ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020**

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước và Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017, để xây dựng khuôn khổ pháp lý cho việc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, áp dụng trong giai đoạn 2017-2020, Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện thành phố xây dựng dự thảo Nghị quyết báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020 và kéo dài thực hiện trong năm 2021.

Để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND tỉnh và đề xuất phương án xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, ngày 20/02/2020 Sở Tài chính đã có Công văn số 169/STC-QLNS gửi 30 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Thực tế thực hiện phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND đã đạt được những kết quả nhất định, cơ bản đáp ứng được nhu cầu nhiệm vụ chi thường xuyên tại đơn vị và đảm bảo cân đối trong điều hành ngân sách của UBND các huyện, thành phố. Các ý kiến đề xuất nghiên cứu sửa đổi bổ sung để trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên của NSNN năm 2022 và áp dụng giai đoạn 2021-2025 cho các cơ quan, đơn vị và huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Đến nay đã nhận được báo cáo đánh giá của 14/30 cơ quan, đơn vị¹. Nội dung cụ thể như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND

1. Đánh giá chung kết quả đạt được:

Hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên NSDP theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND là căn cứ quan trọng, chủ yếu để xây dựng dự toán chi

¹ 26/63 đơn vị chưa gửi báo cáo: UBND huyện Na Hang; UBND huyện Yên Sơn; VP Tỉnh ủy; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; UBND các xã:

thường xuyên giai đoạn 2017-2020, là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp dưới, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của Luật NSNN năm 2015.

Phân bổ ngân sách theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND về cơ bản đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện; thực hiện được các chế độ, chính sách Nhà nước đã ban hành, đáp ứng cơ bản nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các chương trình, dự án trọng điểm, có tính chất quan trọng của tỉnh; đồng thời tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh cũng như UBND các huyện, thành phố chủ động xây dựng và quyết định ngân sách của mình, khuyến khích các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác quản lý tài chính ngân sách, phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách được giao, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trong giai đoạn 2017-2020.

Định mức bảo đảm tính công khai, minh bạch trong phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; định mức quy định theo loại hình sự nghiệp, loại hình đơn vị dự toán, bao quát toàn bộ các khoản chi mang tính chất thường xuyên; định mức được đánh giá là cụ thể, rõ ràng, đơn giản, dễ thực hiện và dễ kiểm tra, đảm bảo tính công bằng, hợp lý; định mức đã thể hiện sự ưu tiên đối với các huyện có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; có hệ số điều chỉnh đối với xã, thôn, quy định định mức khác nhau giữa các xã căn cứ vào khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện; ưu tiên phân bổ đối với và cho khối các cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy, Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, Văn phòng UBND, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội và khối các cơ quan quản lý hành chính nhà nước để đảm bảo hoạt động đặc thù của khối các cơ quan này.

2. Đánh giá kết quả thực hiện định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN giai đoạn 2017-2020 đối với các đơn vị dự toán khối tỉnh

2.1. Kết quả đạt được

Định mức phân bổ chi thường xuyên NSDP theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND áp dụng giai đoạn 2017-2020 là căn cứ quan trọng để xây dựng dự toán và phương án phân bổ NSDP hằng năm trình các cấp có thẩm quyền thông qua.

Phạm vi và phương pháp xây dựng định mức theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND: Việc xây dựng định mức riêng theo loại hình đơn vị dự toán và loại hình sự nghiệp là phù hợp; Phạm vi định mức chi thường xuyên đã kết cấu tương đối đầy đủ các nhiệm vụ chi đảm bảo duy trì hoạt động và nhiệm vụ thường xuyên mang tính chất chung của các cơ quan, đơn vị; ngoài ra vẫn bố trí kinh phí ngoài định mức để thực hiện các nhiệm vụ mang tính đặc thù riêng của từng cơ quan, đơn vị và theo nhiệm vụ chính trị được giao; Phương pháp tính định mức lũy thoái theo quy mô biên chế trong từng đơn vị đã phù hợp, khoa học và đảm bảo công bằng.

Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND, dự toán chi hằng năm được phân bổ theo 03 nhóm, gồm: các khoản chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương tính theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao; các khoản chi thường xuyên theo định mức và các khoản chi ngoài định mức để thực hiện các nhiệm vụ mang tính riêng biệt, các nhiệm vụ đặc thù được cấp có thẩm quyền giao,... Định mức chi thường xuyên về cơ bản đảm bảo hoạt động bộ máy và thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở hệ thống định mức theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND, các cơ quan, đơn vị khối tỉnh đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị làm căn cứ thực hiện dự toán được giao, góp phần tăng sự chủ động, linh hoạt cho các cơ quan, đơn vị trong phân bổ, sử dụng kinh phí, có kế hoạch sử dụng kinh phí trong từng giai đoạn, khuyến khích thực hiện tiết kiệm chi để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, người lao động và chủ động kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị và đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ chính trị trong năm.

Quá trình xây dựng dự toán hằng năm đã thực hiện nghiêm túc các chủ trương, định hướng về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo các Nghị quyết số 39, Nghị quyết số 18 của Ban Chấp hành Trung ương và Kết luận số 17 của Bộ Chính trị; đồng thời, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSDP.

2.2. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, các cơ quan, đơn vị dự toán có phản ánh về một số khó khăn, chủ yếu về việc định mức phân bổ chi thường xuyên còn thấp, chưa được điều chỉnh kịp thời để phù hợp với những thay đổi về cơ chế, chính sách cũng như tình hình kinh tế - xã hội chung, như:

Định mức chi thường xuyên chưa được điều chỉnh tăng tương ứng với tình hình thực tế và kết cấu nhiều nhiệm vụ chi như: Chế độ nâng bậc lương hằng năm và trước thời hạn; tổ chức hội nghị hội thảo; rà soát và xây dựng văn bản QPPL,... nhưng do khó khăn trong cân đối NSDP, định mức chi thường xuyên giữ ổn định giai đoạn 2017-2020, không được điều chỉnh tăng. Trong khi đó, từ năm 2017-2020, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng khoảng 14,6%, chế độ công tác phí, chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách được điều chỉnh tăng theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017, do đó tăng thêm chức năng nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

Một số đơn vị kiến nghị định mức hỗ trợ xăng xe 80 triệu đồng/01 xe/năm là thấp so với thực tế sử dụng tại đơn vị.

Việc kết cấu chi tiền lương và hoạt động thường xuyên của hợp đồng lao động trong định mức: Mặc dù Trung ương không bổ sung kinh phí thực hiện chi lương và các khoản phụ cấp do tăng lương cơ sở theo lộ trình và kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên của các lao động Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, tuy nhiên định mức chi thường xuyên theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND áp dụng với toàn bộ lao động Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ và phải cân đối từ nguồn ngân sách tỉnh.

3. Đánh giá kết quả thực hiện định mức phân bổ chi thường xuyên NSDP năm 2017 đối với các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn

3.1. Kết quả đạt được:

Tiêu chí phân bổ chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị khối huyện cơ bản thực hiện theo tiêu chí về loại hình đơn vị dự toán và loại hình sự nghiệp tương tự đơn vị dự toán khối tỉnh. Căn cứ vào nhiệm vụ đặc thù, vị trí địa lý, của từng huyện, thành phố định mức quy định tại Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND đảm bảo tính công bằng, hợp lý, công khai, minh bạch trong phân bổ ngân sách, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chi thường xuyên và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Định mức đã tạo chủ động cho các cơ quan, đơn vị và thúc đẩy đơn vị sử dụng ngân sách hiệu quả thông qua việc sắp xếp lại biên chế để đảm bảo nhiệm vụ được giao. Đồng thời có tiêu chí bổ sung phân bổ ngân sách thêm cho ngân sách huyện, thành phố tính theo số đơn vị hành chính cấp xã có phân theo vùng tạo điều kiện cho các huyện, thành phố địa bàn khó khăn, có nhiều đơn vị hành chính cấp xã có thêm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn.

Ngoài ra, còn thực hiện hỗ trợ nghiệp vụ cho các huyện, thành phố đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực như:

- Hỗ trợ thực hiện các hoạt động quản lý hành chính.
- Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp giáo dục: Thực hiện áp dụng định mức đối với giáo viên mầm non hợp đồng theo Quyết định 60/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (giai đoạn trước được áp dụng định mức chi thường xuyên đối với đối tượng này).
- Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, được hỗ trợ thêm kinh phí hỗ trợ các hoạt động nghiệp vụ.
- Đối với lĩnh vực an ninh quốc phòng, thực hiện phân bổ theo số giao của Bộ Tài chính và nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, các năm trong giai đoạn 2017-2020 được bổ sung tăng theo tốc độ tăng.
- Đối với định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội, định mức phân bổ cho huyện, thành phố trên cơ sở số lượng và phân loại xã đảm bảo tính công bằng giữa các vùng miền.

3.2 Một số khó khăn, vướng mắc:

a) Đánh giá chung về khó khăn vướng mắc

Đối với các huyện, thành phố định mức phân bổ chi ngân sách của từng lĩnh vực mặc dù đã cao hơn so với giai đoạn trước và đã có hệ số theo phân loại xã. Tuy nhiên định mức chi thường xuyên được xây dựng vào năm 2017 (thời điểm mức lương cơ sở là 1.210.000 đồng) và chưa được điều chỉnh tăng tương ứng với tình hình thực tế dẫn đến các huyện, thành phố gặp khó khăn về nguồn

ngân sách để đảm bảo các nhiệm vụ chi theo phân cấp của Luật NSNN năm 2015, hằng năm ngân sách cấp tỉnh phải bổ sung kinh phí cho các huyện, thành phố để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn.

Định mức chưa có nhiều tác động mạnh mẽ để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống Chính trị và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị quyết số 39-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương.

b) Đánh giá cụ thể những khó khăn vướng mắc của từng lĩnh vực chi

Định mức chi nghiệp vụ cho văn phòng cấp ủy, văn phòng HĐND và UBND cấp huyện 4.000 triệu đồng/ năm, trong đó phân chia cụ thể với từng văn phòng; định mức chi thường xuyên khối quản lý nhà nước xác định theo hệ số của từng văn phòng. Tuy nhiên một số ý kiến kiến nghị định mức thấp, chưa đáp ứng với nhu cầu thực hiện nhiệm vụ trong năm của huyện, thành phố, một số huyện phải bổ sung từ ngân sách huyện hỗ trợ cho hoạt động của các văn phòng khoảng 3.000 triệu đồng/ năm; có sự chênh lệch về hệ số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, thành phố.

Một số huyện kiến nghị định mức hỗ trợ xăng xe 100 triệu đồng/01 xe/ năm là thấp so với thực tế sử dụng.

Định mức hỗ trợ cho các hoạt động nghiệp vụ văn hóa, thể thao, du lịch cấp huyện: 600 triệu đồng/năm; thành phố Tuyên Quang: 900 triệu đồng/ năm, một số ý kiến đề xuất định mức thấp so với thực tế hoạt động văn hóa, tổ chức lễ hội, du lịch trên địa bàn huyện Sơn Dương, thành phố Tuyên Quang.

Định mức phân bổ, duy tu đường do địa phương quản lý từ nguồn sự nghiệp kinh tế còn thấp so với thực tế thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường, chưa có cơ chế hỗ trợ sửa chữa định kỳ.

Định mức phân bổ chi cho các hoạt động khối xã đã tăng so với giai đoạn trước, nhưng một số ý kiến cho rằng định mức gồm nhiều nội dung chi, trong đó gồm kinh phí thực hiện nâng lương bậc lương hằng năm và trước thời hạn, do đó kinh phí còn lại để thực hiện các nhiệm chi thường xuyên như thanh tra, tư pháp và các hoạt động thường xuyên khác của cấp xã còn khó khăn.

II. Phương hướng, giải pháp thực hiện trong thời gian tới

1. Định hướng xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên NSDP giai đoạn 2022-2025

Xây dựng định mức chi thường xuyên NSNN giai đoạn 2022-2025 phù hợp định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2021 của Chính phủ, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2021 kế hoạch tài chính - NSDP 03 năm và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang.

Từng bước cơ cấu lại thu - chi NSNN và nợ công theo Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 16/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững; thực hiện sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế theo Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 02/7/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 02/7/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; thực hiện đề án CCTL theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

Tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSDP phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.

Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN phải đảm bảo góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực, nhiệm vụ quan trọng, các vùng đặc biệt khó khăn và vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh.

Khắc phục hạn chế của định mức phân bổ theo Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Tiếp tục kế thừa những ưu điểm của Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND. Đảm bảo các chế độ chính sách do tỉnh ban hành đến thời điểm 31/8/2021. Nâng định mức phân so với Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND.

2.2. Các tiêu chí phụ của từng lĩnh vực cho phù hợp với tình hình thực tế.

a) Phân chia các huyện theo tiêu thức phân loại đơn vị hành chính huyện, thành phố thành 02 nhóm:

Nhóm 1 gồm: Huyện Chiêm Hóa, Yên Sơn, Sơn Dương và thành phố Tuyên Quang.

Nhóm 2: Huyện Lâm Bình; Na Hang; Hàm Yên.

b) Phân bậc quy mô biên chế: Định mức phân bổ năm 2022 tiếp tục phân bậc biên chế tương tự như Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND.

c) Phân chia các xã theo tiêu chí phân loại đơn vị hành chính cấp xã (Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND quy định 03 tiêu chí về xã để tính định mức gồm: Theo phân loại khu vực xã, xã trên địa bàn các huyện, tiêu chí theo xã đặc biệt khó khăn, theo đơn vị phường, thị trấn). Riêng đối với định mức hỗ trợ đảm bảo xã hội thực hiện theo tiêu chí khu vực xã.

2.3. Về định mức cụ thể, được xác định trên nguyên tắc:

Kết cấu tối đa các khoản chi thường xuyên mang tính chất chung phát sinh trong giai đoạn vào định mức và điều chỉnh tăng thêm một phần kinh phí để bù đắp một phần nhu cầu tăng thêm do tăng các chế độ chi tiêu, tăng chỉ số giá tiêu dùng, giá một số mặt hàng thiết yếu.

Tăng định mức sự nghiệp giáo dục bình quân khoảng 46% so với Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND. Kết cấu chế độ thực hiện chế độ đối với giáo viên quốc phòng và thực hiện chế độ đối với giáo viên thể dục thể thao trong định mức. Ngoài ra phân bổ kinh phí nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn theo tỷ lệ 1% tổng lương ngạch bậc, chức vụ/ đơn vị dự toán.

Đối với sự nghiệp y tế; quản lý nhà nước; hỗ trợ hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; sự nghiệp kinh tế; văn hoá - thể thao, du lịch; phát thanh - truyền hình; môi trường và các sự nghiệp khác tăng bình quân khoảng 10-15% so với Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND. Để từng bước giảm dần khoảng cách giữa các đơn vị, đề xuất điều chỉnh giảm 0,2 đối với hệ số tăng thêm của văn phòng cấp ủy, văn phòng HĐND, văn phòng UBND, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội.

Bổ sung một số mức chi đặc thù đối với sự nghiệp văn hóa.

Đối với Đài phát thanh và truyền hình tỉnh thực hiện theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Định mức chi thường xuyên không bao gồm tiền điện, tiền dầu (thay đổi so với Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND).

Đối với định mức hỗ trợ xăng xe và sửa chữa ô tô: Nâng mức hỗ trợ và bổ sung kinh phí sửa chữa đối với xe ô tô có thời gian sử dụng từ 10 năm trở lên.

2.4. Đối với phân bổ cho các huyện, thành phố

Bổ sung một số định mức đặc thù theo các nhóm nhiệm vụ như: Hỗ trợ kinh phí sửa chữa và chi trả tiền điện thấp sáng đô thị; đảm bảo kiến thiết thị chính theo quy định của Trung ương; hỗ trợ sự nghiệp môi trường; Hỗ trợ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề;...

Đối với hỗ trợ kinh phí sửa chữa và chi trả tiền điện thấp sáng đô thị; sự nghiệp môi trường: Xây dựng định mức đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn huyện, thành phố, riêng đối với thành phố Tuyên Quang là trung tâm chính trị xã hội của tỉnh do đó xây dựng định mức đảm bảo phù hợp với tiêu chí.

Đối với chi nghiệp vụ cho văn phòng cấp uỷ, văn phòng HĐND và UBND: Không tách rời việc hỗ trợ cho từng văn phòng, hỗ trợ định mức chung của cả huyện, thành phố để tạo sự chủ động cho các huyện, thành phố khi thực hiện phân bổ. Nâng mức hỗ trợ cho các huyện, thành phố để thực hiện nhiệm vụ chính trị so với Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND.

Bổ sung định mức hỗ trợ sự nghiệp phát thanh truyền hình; an ninh cho các huyện, thành phố để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của ngành.

Đối với cấp xã: Bổ sung kết cấu các nhiệm vụ chi của ngân sách xã, như kinh phí giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và tính theo mức hỗ trợ hiện hành tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Đối với kinh phí khen thưởng: Thay đổi tỷ lệ phân bổ bằng 1% tính trên lương ngạch bậc, chức vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đối với cấp huyện và 1% chi thường xuyên đối với ngân sách xã.

Đối với định mức hỗ trợ xăng xe và sửa chữa ô tô: Nâng mức hỗ trợ, phân bổ các huyện, thành phố theo khoảng cách và bổ sung kinh phí sửa chữa đối với xe ô tô có thời gian sử dụng từ 10 năm trở lên.

Đối với an ninh: Phân bổ kinh phí cho 03 huyện có nhiều thôn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự cao hơn các huyện, thành phố còn lại.

Trên đây là báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND và định hướng xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên NSDP giai đoạn 2021-2025./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Số: /2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2021



NGHỊ QUYẾT

**Quy định định mức phân bổ dự toán
chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng
cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số .../2021/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày .../.../2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XIX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

**Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên
ngân sách địa phương năm 2022 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách
giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2021/NQ-HĐND ngày .../12/2021)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2022, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;

b) Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

b) Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành có sử dụng ngân sách nhà nước.

c) Các cơ quan Đảng và tổ chức chính trị - xã hội.

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ định mức chi thường xuyên ngân sách địa phương

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương quy định tại Nghị quyết này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của từng cơ quan, đơn vị, dự toán chi ngân sách của từng huyện, thành phố (bao gồm cấp huyện và cấp xã).

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo biên chế được giao áp dụng cho các đơn vị dự toán ngân sách không bao gồm:

a) Chi thực hiện chính sách tiền lương và các khoản đóng góp theo lương của số biên chế được giao. Phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp.

b) Các khoản chi đặc thù chung cho các đơn vị dự toán ngân sách, gồm: Kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban điều phối, tổ công tác liên ngành, các Hội đồng được UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc giao các Sở, ngành quyết định thành lập; chi mua sắm ô tô, tài sản cố định, trang thiết bị, phương tiện làm việc theo Quyết định hoặc kết luận của cấp có thẩm quyền; chi phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất.

c) Các khoản chi đặc thù, mang tính chất riêng biệt của một số đơn vị dự toán ngân sách: Kinh phí thực hiện các cuộc tổng điều tra thống kê, điều tra thống kê định kỳ (ngoài các cuộc điều tra, thống kê định kỳ hàng năm), đột xuất theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi hoạt động của Hội đồng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật do Sở Tư pháp thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chi mua sắm trang phục ngành theo quy định; kinh phí thực hiện các đề án, chương trình theo Kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

d) Các nhiệm vụ đặc thù không thường xuyên khác.

3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo biên chế được giao áp dụng cho các đơn vị dự toán ngân sách bao gồm:

a) Các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động bộ máy của các đơn vị dự toán ngân sách: Công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; Phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; chi ứng dụng công nghệ thông tin; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, Đoàn thể trong cơ quan.

b) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát.

c) Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định.

d) Kinh phí sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng; kinh phí thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định (trừ các tài sản quy định tại khoản b, mục 2).

đ) Kinh phí bảo đảm hoạt động tiếp công dân (trừ hoạt động tiếp công dân của Ban tiếp công dân tỉnh, Ban tiếp công dân huyện, thành phố; Thanh tra tỉnh; Thanh tra huyện, thành phố).

e) Kinh phí xây dựng, thẩm định báo cáo của các cơ quan Đảng, văn phòng Hội đồng nhân dân được hưởng theo quy định của Nhà nước hiện hành.

g) Kinh phí thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO.

h) Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

i) Kinh phí duy trì hoạt động trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử; duy trì hệ thống quản lý văn bản điều hành; kinh phí thuê tên miền (nếu có).

k) Kinh phí hoạt động của bộ phận một cửa, rà soát thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước.

l) Kinh phí trích lập quỹ thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ;

m) Kinh phí thuê phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc;

n) Kinh phí thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn không bao gồm khối sự nghiệp giáo dục.

3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bao gồm:

- a) Hỗ trợ sự nghiệp kinh tế
- b) Hỗ trợ chi nghiệp vụ cho các hoạt động quản lý hành chính
- c) Hỗ trợ chi cho các hoạt động nghiệp vụ thuộc sự nghiệp văn hoá, thể thao, du lịch
- d) Hỗ trợ các hoạt động đảm bảo xã hội
- đ) Hỗ trợ chi sự nghiệp môi trường
- e) Hỗ trợ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề
- g) Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ
- h) Hỗ trợ sự nghiệp phát thanh truyền hình
- i) Phân bổ chi cho các hoạt động khối xã, phường, thị trấn
- k) Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh
- l) Định mức phân bổ chi khác, bao gồm kinh phí khen thưởng
- m) Hỗ trợ xăng xe và sửa chữa ô tô
- n) Định mức phân bổ dự phòng ngân sách địa phương

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Thực hiện theo Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và phương án tự chủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ngân sách nhà nước không hỗ trợ đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (trừ kinh phí đối với các nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng, đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ theo quy định).

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Khuyến khích tăng dần mức độ tự chủ; từ năm 2022 giảm chi hỗ trợ từ ngân sách nhà

nước cho các đơn vị này 10%/ năm (ngoài các khoản chi lương, chi có tính chất lương và chi cho con người).

b) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ (riêng ngành y tế sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ đi các chi phí đã kết cấu trong giá dịch vụ), tiết kiệm 10% chi thường xuyên từ nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm để bảo đảm nguồn thực hiện cải các tiền lương.

c) Đối với nguồn cải cách tiền lương hình thành từ nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập theo quy định của Chính phủ, sau khi sử dụng để cải cách tiền lương, nếu còn dư phải nộp về ngân sách cấp trên theo phân cấp để tạo nguồn cải cách tiền lương của ngân sách địa phương.

5. Định mức trên đã giảm trừ 10% chi thường xuyên.

Chương II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYỀN CHO CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

Điều 3. Định mức phân bổ cho sự nghiệp giáo dục

1. Định mức phân bổ chi thường xuyên theo tiêu chí biên chế

Đơn vị tính: Triệu đồng/ biên chế/ năm

Số TT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Trường phổ thông Dân tộc nội trú, trường chuyên, trường dành cho người khuyết tật do Nhà nước thành lập	
a	Từ 20 biên chế trở xuống	10,0
b	Từ biên chế thứ 21 trở lên	9,0
c	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	6,0
2	Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn huyện: Lâm Bình, Na Hang, Hàm Yên	
a	Từ 20 biên chế trở xuống	10,0
b	Từ biên chế thứ 21 trở lên	9,0
c	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	6,0
3	Cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn còn lại	
a	Từ 20 biên chế trở xuống	9,0
b	Từ biên chế thứ 21 trở lên	8,0

Số TT	Nội dung	Định mức phân bổ
c	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	6,0

2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này, Định mức trên đã bao gồm: Kinh phí tham quan học tập kinh nghiệm theo chế độ; kinh phí chi chung của ngành; kinh phí thực hiện chế độ đối với giáo viên quốc phòng theo Thông tư số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BQP-BTC ngày 16/7/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính; kinh phí thực hiện chế độ đối với giáo viên thể dục thể thao theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, lương nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ vệ sinh...

3. Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế quy định tại khoản 1 điều này chưa bao gồm: Nguồn thu sự nghiệp, thu học phí, cấp bù học phí được miễn giảm của các đối tượng.

Đối với cơ sở giáo dục phổ thông công lập có nhiều cấp học thì phân bổ theo định mức của từng cấp học.

4. Phân bổ kinh phí nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn theo tỷ lệ 1% tổng lương ngạch bậc, chức vụ/ đơn vị dự toán.

5. Các khoản kinh phí sau được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế và số bổ sung của Trung ương theo chế độ quy định gồm:

- a) Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi.
- b) Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật.
- c) Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.
- d) Kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định của Chính phủ.
- đ) Chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú, chế độ cho học sinh bán trú.
- e) Các chế độ khác theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

Điều 4. Định mức phân bổ chi thường xuyên cho sự nghiệp Đào tạo và dạy nghề

1. Định mức phân bổ chi thường xuyên theo tiêu chí biên chế

Đơn vị tính: Triệu đồng/ biên chế/ năm

Số TT	Nội dung	Định mức phân bổ
I	Đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh	
1	Cơ sở giáo dục đại học công lập	10,0

Số TT	Nội dung	Định mức phân bổ
2	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	
a	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	14,5
b	Trường cao đẳng, trung cấp	12,0
3	Trường Chính trị tỉnh	14,5
II	Đơn vị dự toán ngân sách cấp huyện	
1	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	12,0
2	Trung tâm bồi dưỡng Chính trị	12,0
III	Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	60% định mức tại Mục I, II

Đối với các cơ sở giáo dục công lập: Định mức phân bổ chi ngân sách nhà nước được xác định trên cơ sở cân đối thu chi theo cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

2. Định mức phân bổ chi đào tạo và dạy nghề cho học sinh, sinh viên

Đơn vị: Triệu đồng/ người/ tháng

Số TT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác	0,40
2	Đào tạo học sinh phổ thông Dân tộc nội trú	0,30

3. Đào tạo trình độ lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh; Trung tâm Chính trị huyện, thành phố

a) Đối với trường Chính trị tỉnh

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức phân bổ
1	Đào tạo trình độ lý luận chính trị cao cấp, trung cấp	Trđ/ người/ tháng	0,50
2	Đào tạo chuyên viên, chuyên viên chính	Trđ/ người/ khóa học	0,50
3	Đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn (dưới 2 tháng)	Trđ/ người/ khóa học	0,20

b) Đối với Trung tâm Chính trị huyện, thành phố

Đối với các lớp bồi dưỡng do cấp tỉnh giao nhiệm vụ: Thực hiện theo mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này.

Đối với các lớp bồi dưỡng do cấp huyện giao nhiệm vụ: UBND huyện quyết định mức phân bổ đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách cấp huyện.

4. Định mức quy định tại khoản 2, 3 Điều này bao gồm các khoản chi phục vụ trực tiếp cho 01 đối tượng đào tạo thường xuyên hằng năm, cụ thể: Học bổng khuyến khích học tập, khen thưởng theo chế độ, chi phí vật tư văn phòng, dịch vụ công cộng; chi phí sửa chữa, thay thế, mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo; chi tiền lương, tiền công và hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định;... và các chi phí phục vụ trực tiếp các đối tượng được đào tạo.

5. Định mức phân bổ dự toán kinh phí đào tạo sinh viên cử tuyển, đào tạo liên thông, đào tạo theo Đề án của tỉnh: Giao Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định theo quy định.

Điều 5. Định mức phân bổ dự toán chi cho sự nghiệp y tế

1. Định mức phân bổ dự toán cho các đơn vị sự nghiệp y tế thực hiện kiểm soát, kiểm nghiệm, phòng bệnh, giám định, truyền thông, pháp y,... theo tiêu chí biên chế.

Đơn vị tính: Triệu đồng/ biên chế/ năm

Số TT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Từ 20 biên chế trở xuống	14,5
2	Từ biên chế thứ 21 trở lên	13,0

2. Định mức phân bổ dự toán chi cho các Trung tâm y tế dự phòng huyện, thành phố theo tiêu chí biên chế.

Đơn vị tính: Triệu đồng/ biên chế/ năm

Số TT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Các huyện: Lâm Bình; Na Hang; Hàm Yên	13,5
2	Các huyện, thành phố còn lại	12,0

3. Định mức phân bổ cho Trạm y tế xã, phường, thị trấn theo tiêu chí biên chế

Đơn vị tính: Triệu đồng/ biên chế/ năm

Số TT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Cấp xã loại 1	12,5

2	Cấp xã loại 2	11,5
3	Cấp xã loại 3	10,5

4. Đối với các cơ sở khám, chữa bệnh y tế công lập

a) Thực hiện phương án tự chủ về tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hướng giảm dần cấp kinh phí từ ngân sách đối với các khoản chi được kết cấu trong giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và tăng tính tự chủ, khả năng tự đảm bảo chi thường xuyên từ nguồn thu của từng đơn vị.

b) Nhà nước bổ sung kinh phí thực hiện Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, Bảo hiểm y tế cựu chiến binh, thanh niên xung phong, đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật: Tính theo số liệu thực tế hàng năm và mức chi theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 6. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể

1. Định mức phân bổ cho các đơn vị quản lý nhà nước theo tiêu chí biên chế

Đơn vị tính: Triệu đồng/ biên chế/ năm

Số TT	Nội dung	Định mức phân bổ
I	Đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh	
1	Đơn vị dự toán cấp I	
	Từ 20 biên chế trở xuống	20,5
	Từ biên chế thứ 21 trở lên	16,5
2	Đơn vị dự toán cấp II	
	Từ 20 biên chế trở xuống	15,5
	Từ biên chế thứ 21 trở lên	13,0
II	Đơn vị dự toán ngân sách huyện, thành phố	
1	Các huyện: Lâm Bình; Na Hang; Hàm Yên.	19,0
2	Các huyện, thành phố còn lại	16,5

2. Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND; Văn phòng HĐND: Định mức phân bổ bằng mức quy định tại khoản 1 Điều này nhân với hệ số tăng thêm.

a) Cấp tỉnh

Văn phòng Tỉnh uỷ (bao gồm: Văn phòng Tỉnh uỷ, các Ban Đảng và Báo Tuyên Quang): Hệ số 1,8.

Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (không bao gồm các đơn vị trực thuộc): Hệ số 1,5.

b) Cấp huyện

Văn phòng Huyện uỷ, Thành uỷ: Hệ số 1,8.

Văn phòng HĐND và UBND huyện, thành phố (không bao gồm các phòng, ban trực thuộc): Hệ số 1,3.

Trường hợp các Văn phòng thực hiện sát nhập thì hỗ trợ theo mức cao nhất.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: Định mức phân bổ bằng mức quy định tại khoản 1 Điều này nhân với hệ số tăng thêm.

a) Cấp tỉnh: Hệ số 1,3.

b) Cấp huyện: Hệ số 1,1.

Điều 7. Hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên cho các hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành.

1. Định mức hỗ trợ cho các hội đặc thù theo tiêu chí biên chế: 15 triệu đồng/ biên chế/ năm

2. Định mức hỗ trợ các tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp.

Đơn vị tính: Triệu đồng/ tổ chức/ năm

Số TT	Nội dung	Định mức phân bổ
1	Tổ chức cấp tỉnh	110
2	Tổ chức trên địa bàn huyện, thành phố	77

Các tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập ngoài mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này được hỗ trợ khi thực hiện những hoạt động được cơ quan nhà nước giao nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Điều 8. Định mức phân bổ dự toán chi cho sự nghiệp kinh tế; văn hoá - thể thao, du lịch; phát thanh - truyền hình; môi trường và các sự nghiệp khác

1. Định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp theo tiêu chí biên chế

Đơn vị tính: Triệu đồng/ tổ chức/ năm

Số TT	Nội dung	Định mức phân bổ
I	Đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh	
a	Đơn vị dự toán Cấp I	
	Từ 20 biên chế trở xuống	14,0
	Từ biên chế thứ 21 trở lên	11,0
b	Đơn vị dự toán Cấp II	
	Từ 20 biên chế trở xuống	12,0
	Từ biên chế thứ 21 trở lên	10,0
II	Đơn vị dự toán ngân sách huyện, thành phố	
1	Các huyện: Lâm Bình; Na Hang; Hàm Yên	14,0
2	Các huyện Chiêm Hóa; Yên Sơn và Sơn Dương và thành phố Tuyên Quang	12,0

2. Các nội dung chi có tính chất đặc thù sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch

a) Các hoạt động đặc thù về văn hóa (phục vụ các ngày lễ lớn, sự kiện văn hóa trong năm; các hoạt động văn hóa hướng về cơ sở; sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể;...), thể dục thể thao (tổ chức, tham gia các giải thi đấu thể thao,...), thư viện, bảo tàng;... phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh: Căn cứ chế độ quy định của pháp luật hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

b) Khu du lịch quốc gia: 500 triệu đồng/khu/năm.

3. Định mức phân bổ cho sự nghiệp phát thanh - truyền hình đã bao gồm tiền trực, tiền làm đêm, thêm giờ; chưa bao gồm tiền điện, tiền dầu thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

Đài phát thanh và truyền hình tỉnh thực hiện theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình được tính toán căn cứ dự toán kinh phí hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, chế độ quy định của pháp luật hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

4. Định mức phân bổ chi duy tu, bảo dưỡng đường địa phương từ nguồn kinh phí bảo trì đường bộ ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu

Đường tỉnh: 25 triệu đồng/km.

Đường đô thị: 21 triệu đồng/km.

Đường huyện: 18,5 triệu đồng/km.

Điều 9. Hỗ trợ xăng xe và sửa chữa ô tô đối với đơn vị dự toán cấp tỉnh

a) Đơn vị dự toán cấp I: 100 triệu đồng/01 xe/năm.

b) Đơn vị dự toán cấp II: Theo thực tế phát sinh nhưng tối đa 80 triệu đồng/01 xe/ năm.

c) Đối với các xe có thời gian sử dụng từ đủ 10 năm trở lên, hỗ trợ thêm kinh phí sửa chữa: 30 triệu đồng/ xe/ năm.

Điều 10. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh

Căn cứ khả năng ngân sách và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hàng năm.

Điều 11. Định mức phân bổ chi lập Quỹ thi đua khen thưởng

Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế và nguồn Quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh, Ban thi đua khen thưởng tỉnh lập kế hoạch sử dụng Quỹ gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán chi lập Quỹ thi đua khen thưởng theo quy định.

CHƯƠNG III

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VÀ MỨC HỖ TRỢ CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

Điều 12. Định mức hỗ trợ sự nghiệp kinh tế

1. Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ khác phát sinh trong thời kỳ ổn định ngân sách

Định mức theo tiêu chí xã: 110 triệu đồng/xã/năm và được điều chỉnh theo hệ số sau:

Các xã khu vực I: 1,0

Các xã khu vực II: 1,1

Các xã khu vực III: 1,2

2. Hỗ trợ huyện, thành phố kinh phí sửa chữa và chi trả tiền điện thấp sáng đô thị (định mức theo số lượng xã):

Các huyện: 20 triệu đồng/xã/ năm.

Thành phố Tuyên Quang: 250 triệu đồng/ xã/ năm.

Điều 13. Định mức hỗ trợ chi nghiệp vụ cho các hoạt động quản lý hành chính

1. Hỗ trợ chi nghiệp vụ cho văn phòng cấp uỷ, văn phòng HĐND và UBND:

a) Hỗ trợ 3.000 triệu đồng/huyện/ năm.

b) Bổ sung hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ đặc thù đối với các huyện: Lâm Bình, Na Hang và Sơn Dương: 200 triệu đồng/huyện/ năm.

c) Mức hỗ trợ đã bao gồm các nội dung chi theo hướng dẫn của Văn phòng Cấp uỷ; các nội dung chi cho các hoạt động của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện theo Nghị quyết HĐND tỉnh.

2. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương: 3.000 triệu đồng/năm.

3. Hỗ trợ chi nghiệp vụ cho phòng Tài Chính - Kế hoạch; phòng Lao động, Thương binh Xã hội; phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố: 450 triệu đồng/ huyện/ năm.

4. Ngoài định mức trên, trường hợp phát sinh các nội dung chi nghiệp vụ đặc thù của từng địa phương UBND huyện quyết định định mức phân bổ đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách cấp huyện.

Điều 14. Hỗ trợ chi cho các hoạt động nghiệp vụ thuộc sự nghiệp văn hoá, thể thao, du lịch cấp huyện

1. Các huyện Lâm Bình; Na Hang; Sơn Dương: 900 triệu đồng/ huyện/ năm.

2. Các huyện Chiêm Hóa; Hàm Yên; Yên Sơn: 700 triệu đồng/ huyện/ năm.

2. Thành phố Tuyên Quang: 1.100 triệu đồng/năm.

Điều 15. Hỗ trợ các hoạt động đảm bảo xã hội cấp huyện

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí khu vực đơn vị xã

a) Các xã khu vực I: 21 triệu đồng/ xã/ năm

b) Các xã khu vực II: 26 triệu đồng/ xã/ năm

c) Các xã khu vực III: 35 triệu đồng/ xã/ năm

2. Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ bao gồm: Chi trợ giúp xã hội khẩn cấp cho các đối tượng; tuyên truyền, phổ biến chính sách; phục vụ công tác quản lý đối tượng bảo trợ xã hội; ứng dụng công nghệ thông tin; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; các hoạt động đảm bảo xã hội khác của địa phương

Điều 16. Hỗ trợ chi sự nghiệp môi trường

1. Hỗ trợ các xã hoàn thành nông thôn mới củng cố tiêu chí về môi trường đối với: 100 triệu đồng/ xã nông thôn mới/ năm.

2. Hỗ trợ huyện, thành phố khắc phục hậu quả do khai thác khoáng sản đối với xã có địa bàn khai thác khoáng sản từ nguồn phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản: 100 triệu đồng/ xã / năm.

3. Hỗ trợ công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và các hoạt động môi trường khác: Căn cứ khả năng ngân sách và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hàng năm.

Điều 17. Hỗ trợ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

1. Hỗ trợ sự nghiệp giáo dục

a) Hỗ trợ huyện, thành phố kinh phí mua sắm thiết bị dạy học; sửa chữa cơ sở vật chất trường học và hỗ trợ nghiệp vụ chuyên môn ngành giáo dục theo tiêu chí số lượng lớp học: 15 triệu đồng/ lớp/ năm, tối đa không quá 100 triệu đồng/ trường/ năm.

2. Hỗ trợ sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

Hỗ trợ trung tâm dạy nghề các huyện, thành phố theo tiêu chí học sinh: 0,10 triệu đồng/ học sinh/ tháng thực học.

3. Hỗ trợ Chi hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng: 25 triệu đồng/xã/năm.

Điều 18. Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

Định mức hỗ trợ: 200 triệu đồng/ huyện/ năm.

Điều 19. Hỗ trợ sự nghiệp phát thanh truyền hình

a) Định mức hỗ trợ: 500 triệu đồng/ huyện/ năm.

b) Nội dung chi bao gồm: Chi thực hiện chế độ nhuận bút; mua sắm, sửa chữa trang thiết bị truyền thanh, truyền hình; chi tiền điện, tiền xăng dầu phục vụ công tác chuyên môn và các nội dung chi nghiệp vụ chuyên môn đặc thù của ngành.

Điều 20. Định mức phân bổ chi cho các hoạt động khối xã, phường, thị trấn

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí phân loại xã

a) Xã loại 1: 330 triệu đồng/xã/năm.

b) Xã loại 2: 315 triệu đồng/xã/năm.

c) Xã loại 3: 295 triệu đồng/xã/năm.

2. Nội dung chi bao gồm:

a) Chi hoạt động của Ủy ban nhân dân; đảm bảo hoạt động của HĐND; kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;

b) Hoạt động thanh tra, tư pháp và các hoạt động thường xuyên khác;

c) Kinh phí tổ chức tặng quà người cao tuổi;

d) Kinh phí hòa giải ở cơ sở;

đ) Kinh phí công tác tiếp dân; xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có).

e) Kinh phí thực hiện đảm bảo cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật;

g) Kinh phí đảm bảo công tác kiểm soát thủ tục hành chính; phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật.

h) Kinh phí giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;

i) Kinh phí nâng lương, nâng ngạch bậc đối với cán bộ, công chức;

k) Kinh phí quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính. (theo NQ 16 của HĐND tỉnh).

l) Chi quản lý đô

3. Chi hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp thực hiện theo Quy định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương về chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở đảng và đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở.

Điều 21. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh

1. Quốc phòng

Thực hiện theo Luật Dân quân tự vệ, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi và khả năng ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách hàng năm.

2. An ninh

a) Đối với các huyện Na Hang; Chiêm Hóa; Hàm Yên hỗ trợ 300 triệu đồng/huyện/năm;

b) Đối với các huyện, thành phố còn lại: hỗ trợ 250 triệu đồng/ huyện/ năm.

Điều 22. Định mức phân bổ chi khác, bao gồm kinh phí khen thưởng

a) Cấp huyện: Phân bổ bằng 1% lương ngạch bậc, chức vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

b) Đối với khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện: Trích lập Quỹ thi đua khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

c) Cấp xã: 1% chi thường xuyên ngân sách xã.

Điều 23. Hỗ trợ xăng xe và sửa chữa ô tô

a) Đơn vị dự toán các huyện:

Huyện Lâm Bình; Na Hang: 130 triệu đồng/01 xe/năm.

Huyện Chiêm Hóa; Hàm Yên: 120 triệu đồng/ 01 xe/ năm

Huyện Yên Sơn; Sơn Dương: 110 triệu đồng/ xe/ năm

Thành phố Tuyên Quang: 60 triệu đồng/01 xe/năm.

b) Đối với các xe có thời gian sử dụng từ đủ 10 năm trở lên, hỗ trợ thêm kinh phí sửa chữa: 30 triệu đồng/ xe/ năm.

Điều 24. Định mức phân bổ dự phòng ngân sách địa phương

a) Tổng nguồn dự phòng ngân sách địa phương tối thiểu không thấp hơn tổng nguồn dự phòng Bộ Tài chính giao hàng năm.

b) Tỷ lệ phân bổ đảm bảo từ 2% đến 4% tổng chi thường xuyên ngân sách địa phương (không bao gồm các chính sách, chế độ do Trung ương ban hành; chế độ đặc thù và các nhiệm vụ chi không mang tính chất thường xuyên).

CHỦ TỊCH